

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Quốc Trường.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Lại Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

+ Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: số nhà B, phố P, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Jeon Taing H (tên gọi ở Việt Nam là Trần Thanh H1), sinh năm 1965; quốc tịch Hàn Quốc; quê quán: phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; địa chỉ: P, 2 G-ro 18 beon-gil, G-do (G-dong, S), Hàn Quốc, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (tên gọi ở Việt Nam là Trần Thanh H1), nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Đ kết hôn với chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1) trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vào ngày 20/5/2010. Việc đăng ký kết hôn đã được ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo Giấy xác nhận số 262/STP-XN ngày 28/7/2010 của Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại Hàn Quốc được một thời gian

ngắn thì anh Đ có việc gia đình nên phải trở về Việt Nam, chị H1 sinh sống tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại nhưng sau đó thưa dần và anh Đ quyết định không quay trở lại Hàn Quốc nữa mà sinh sống tại Việt Nam nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay là 14 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ, chị H1 cùng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 thỏa thuận anh Đ là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên họp: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Căn cứ Điều 29, 39, 361, 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đề nghị:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1).

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị H1, anh Đ nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1) có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; chị H1 mang quốc tịch Hàn Quốc, anh Đ đang sinh sống tại Việt Nam và cùng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vào ngày 20/5/2010 và được ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo Giấy xác nhận số 262/STP-XN ngày 28/7/2010 của Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại Hàn Quốc được một thời gian ngắn thì anh Đ trở về Việt Nam, chị H1 sinh sống tại Hàn Quốc nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và cùng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh Đ và chị H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh Đ và chị H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trương Văn Đ và chị Trần Thanh H1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị H1, anh Đ nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 365; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1).

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Trương Văn Đ và chị Jeon Taing H (Trần Thanh H1) mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Trương Văn Đ nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001457, ngày 10/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, anh Trương Văn Đ đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Quốc Trường